

Bản án số: 69/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19-6-2023

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Văn Hưng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Công;
2. Bà Phạm Thị Thu Yến.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa:**  
Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 372/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thanh N, sinh năm 1969; thường trú: Số 65 Nguyễn Văn T, khu phố ĐT, phường LT, thành phố TA, tỉnh BD; có mặt.

- Bị đơn: Ông Lý Quang M, sinh năm 1967; thường trú: D75C Châu Văn T, Tổ 30, khu phố BĐ, phường LT, thành phố TA, tỉnh BD; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2023; các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh N trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thanh N và ông Lý Quang M chung sống với nhau từ năm 1988 trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục. Tuy nhiên, đến năm 1990 vợ chồng mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã (nay là phường) Bình Nhâm, huyện (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 055, Quyền số 01/90, ngày 22/11/1990. Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 1991. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông Lý Quang M không quan tâm đến vợ, con. Ngoài ra, ông M có quan hệ không lành mạnh với nhiều người phụ nữ khác. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Do đó, yêu cầu Tòa án cho bà N được ly hôn với ông M.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lý Kim A, sinh ngày 07/8/1989 và Lý Anh Q, sinh ngày 01/01/2000. Hiện nay cả 02 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/4/2023 và quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Lý Quang M trình bày:

Ông M thống nhất về thời gian chung sống và về việc đăng ký kết hôn. Vợ chồng không ăn chung, ngủ chung từ năm 2013 cho đến nay nhưng mâu thuẫn chưa trầm trọng, vẫn ở chung nhà với nhau. Ông M thừa nhận có quan hệ không lành mạnh với người phụ nữ khác. Tuy nhiên, vẫn thương yêu vợ, con nên không đồng ý ly hôn với bà N.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lý Kim A, sinh ngày 07/8/1989 và Lý Anh Q, sinh ngày 01/01/2000. Hiện nay cả 02 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Lý Quang M trình bày: Ông M vẫn thương yêu vợ, con nhưng do bà Huỳnh Thị Thanh N kiên quyết yêu cầu được ly hôn, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ hạnh phúc nên ông M cũng đồng ý ly hôn để giải phóng cho bà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An phát biểu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thanh N và ông Lý Quang M chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Bình Nhâm, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà N yêu cầu được ly hôn, tại phiên tòa ông Lý Quang M cũng đồng ý ly hôn. Nhận thấy ý kiến của các đương sự là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lý Kim A, sinh ngày 07/8/1989 và Lý Anh Q, sinh ngày 01/01/2000. Hiện nay cả 02 con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử đề cập giải quyết.

+ Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Huỳnh Thị Thanh N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lý Quang M. Cho nên đây là vụ án “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thanh N và ông Lý Quang M chung sống với nhau từ năm 1988 trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục. Tuy nhiên, đến năm 1990 vợ chồng mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã (nay là phường) Bình Nhâm, huyện (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 055, Quyền số 01/90, ngày 22/11/1990.

Tại phiên tòa bị đơn ông Lý Quang M thừa nhận vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn từ lâu do tính tình vợ chồng không hợp và ông Lý Quang M có quan hệ không lành mạnh với người phụ nữ khác nên đồng ý ly hôn.

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Huỳnh Thị Thanh N và ông Lý Quang M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa các đương sự thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Về con chung: Bà N và ông M có 02 con chung tên Lý Kim A, sinh ngày 07/8/1989 và Lý Anh Q, sinh ngày 01/01/2000. Hiện nay cả hai con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] Về việc cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.5] Xét, yêu cầu của các đương sự và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Các điều 28, 35, 39, 146, 147, 228, 266, 271 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 56, 81, 82, 83, 84, 85 và Điều 86 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thanh N về việc “Ly hôn” với bị đơn ông Lý Quang M như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thanh N được ly hôn với ông Lý Quang M.

1.2 Về con chung: Bà Huỳnh Thị Thanh N và ông Lý Quang M có 02 con chung tên Lý Kim A, sinh ngày 07/8/1989 và Lý Anh Q, sinh ngày 01/01/2000. Hiện nay cả hai con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử đề cập giải quyết.

1.3 Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

1.4 Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004337, ngày 12/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, bà Huỳnh Thị Thanh N không phải nộp thêm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- UBND phường Bình Nhâm, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**Đào Văn Hưng**